

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HSST
Ngày 05 tháng 12 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Hằng và bà Lê Thị Chiên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hưng, Cán bộ
Toà án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Lê
Đình Lưỡng, Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh
Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 61/2017/HSST ngày 10 tháng
11 năm 2017 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện T,
tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; Văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn
Văn T và bà Hoàng Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm
giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2017 đến nay (có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc
truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 11 tháng 9 năm 2017, Nguyễn Văn T đi từ
nhà xuống thành phố V chơi. Khi xuống đến địa phận phường L, thành phố V, T
gặp T1 nên nảy sinh ý định mua ma túy để sử dụng. T biết T1 là người nghiện
ma túy và có ma túy bán nên T hỏi mua 1.000.000đ ma túy, T1 đồng ý và đưa
cho T 01 gói ma túy đá, T đưa cho T1 1.000.000đ. T cất gói ma túy vừa mua vào
vỏ bao thuốc lá “555”. Sau đó, T1 rủ T vào huyện T chơi và cầm theo bao thuốc
lá bên trong chứa ma túy lên xe ô tô của T1 (T không nhớ Biển kiểm soát). Túc
và T1 đến ngã tư thuộc thôn T, xã H, huyện T, T1 bảo T xuống xe chờ T1 đi có
việc. T xuống xe đi vào quán nước ven đường ngồi uống nước được khoảng 5-
10 phút thì bị tổ công tác Công an huyện T đến kiểm tra, bắt quả tang. Tang vật
thu giữ: Thu trên tay phải của T 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “555” bên trong
có 01 túi nilon màu trắng, trong túi nilon có chứa các hạt tinh thể dạng đá màu

trắng (Niêm phong ký hiệu M1, T khai nhận là ma túy vừa mua của T1).

Tại kết luận giám định số 1032/KLGD ngày 15/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu M1 gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng (trọng lượng) 2,4376g (Hai phẩy bốn ba bảy sáu gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine”*.

Về nguồn gốc ma túy, T khai nhận mua của T1 (T không biết địa chỉ cụ thể) 01 gói ma túy với giá 1.000.000đ tại khu vực phường L, thành phố V với mục đích để sử dụng).

Đối với T1 là người đã bán ma túy cho T do T không biết họ tên, địa chỉ, cụ thể nên không có cơ sở để xác minh. Vì vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này.

Tại Cáo trạng số 64/KSĐT-MT ngày 09 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo từ 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật ma túy (Methamphetamine) được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả trọng lượng 1,6261gam và toàn bộ bao gói; tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao thuốc lá “555”.

- Không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

XÉT THẤY:

Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 10 giờ 40 phút ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại ngã tư thôn T, xã H, huyện T, Nguyễn Văn T có hành vi tàng trữ gói ma túy có khối lượng (trọng lượng) 2,4376g (chất ma túy Methamphetamine) thì bị tổ công tác Công an huyện T kiểm tra, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào ... tàng trữ trái phép ... chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm:

c) Methamphetamine...có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam”.

Tuy nhiên, do khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số: 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 thì các quy định có lợi cho người phạm tội được áp dụng cho người phạm tội kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 nên cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội để áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Ma túy là một tệ nạn cần phải loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, sồi mòn đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Vì vậy, cần phải xử bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Cần Tịch thu tiêu hủy mẫu vật ma túy do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả cùng toàn bộ bao gói và tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao thuốc lá “555” do không có giá trị sử dụng là phù hợp.

Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 11 tháng 9 năm 2017).

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: Mẫu vật ma túy Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn lại sau giám định gồm 1,6261g ma túy và toàn bộ bao gói; 01 vỏ bao thuốc lá “555”.

(Có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T)

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Màu Văn Mùi